

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHÍNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1022 /QĐ-TĐHTPHCM ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

TP. Hồ Chí Minh, năm 2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ban hành kèm theo Quyết định số: 1022/QĐ-TĐHTPHCM ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

Tên chương trình: **Chương trình giáo dục đại học**

Trình độ đào tạo: **Đại học chính quy**

Ngành đào tạo: **Quản lý đất đai**

Mã số: **7850103**

Chuyên ngành đào tạo: **Địa chính**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Quản lý đất đai cho ngành tài nguyên & môi trường và xã hội, có phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng, hiểu biết pháp luật và lý tưởng sống tốt đẹp, trên cơ sở được trang bị nền tảng kiến thức về đại cương, vững chắc về cơ sở ngành, chuyên sâu trong tổ chức nghiên cứu, quản lý và giải quyết các vấn đề chuyên môn, ứng dụng tốt công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề chuyên môn, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (Kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ, tin học,...)

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên:

PO 1: Hệ thống kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật đại cương phù hợp với chuyên ngành Quản lý đất đai.

PO 2: Hệ thống các kiến thức khoa học cơ bản về tự nhiên, xã hội và tư duy phù hợp với chuyên ngành Quản lý đất đai.

PO 3: Kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành và thực hành nghề nghiệp vững chắc để đánh giá được thực trạng công tác quản lý nhà nước về đất đai, hiện

trạng tài nguyên đất đai, số lượng và chất lượng đất đai, tiềm năng tự nhiên và kinh tế đất đai để quản lý và sử dụng đất đai có hiệu quả, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

PO 4: Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc. Kỹ năng sử dụng các phần mềm văn phòng và các phần mềm tin học khác phù hợp với chuyên ngành đào tạo đáp ứng được nhu cầu công việc.

PO 5: Phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; Có tinh thần tự chịu trách nhiệm cá nhân, chịu trách nhiệm trước nhóm trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Có khả năng và tinh thần tự học và học tập nâng cao trình độ. Có khả năng đảm nhiệm công tác chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực của ngành Quản lý đất đai.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai trình độ đại học, sinh viên có thể:

2.1. Kiến thức

ELO1: Vận dụng kiến thức cơ bản của triết học và lý luận chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống.

ELO 2: Ứng dụng các kiến thức khoa học cơ bản về tự nhiên, xã hội và tư duy làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành cũng như trong công tác nghiên cứu và giải quyết các công việc chuyên môn.

ELO 3: Liên kết được các kiến thức cơ sở về các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bao gồm đất, nước, động thực vật và khoáng sản, sinh thái, môi trường và khí hậu, cùng với các kiến thức về kỹ thuật trắc địa bản đồ và công nghệ GIS làm nền tảng cho việc học tập các môn học chuyên ngành.

ELO 4: Vận dụng được các phương pháp suy luận và các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai để hiểu về hệ thống và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý đất đai.

ELO 5: Áp dụng được các quy trình, quy phạm và các giải pháp kỹ thuật - công nghệ trong việc tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ quản lý đất đai trong các lĩnh vực: Địa chính, Quy hoạch đất đai, Giám sát và bảo vệ tài nguyên đất đai, Kinh tế và phát triển đất đai và Hệ thống thông tin quản lý đất đai.

ELO 6: Phát triển được các kiến thức chuyên ngành đã học để đề xuất các giải pháp về cơ chế pháp lý, hành chính, kinh tế và tổ chức, cũng như các giải pháp kỹ thuật và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý đất đai như sử dụng đất đai hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với sự thay đổi của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và công nghệ theo định hướng phát triển của nhà nước.

2.2. Kỹ năng

ELO 7: Sử dụng được tiếng Anh để hoàn thành báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày và trao đổi được các ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt một trong các chuẩn kỹ năng tiếng Anh với mức điểm tối thiểu để xét tốt nghiệp:

- Chứng nhận TOEIC nội bộ (do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP HCM cấp) 450;

- Chứng chỉ quốc tế còn thời hạn: TOEIC 450, TOEFL PBT 450, TOEFL CBT 133, TOEFL iBT 45, IELTS 4.5;

- Chứng chỉ B1 (tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

ELO 8: Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho công việc chuyên môn. Đạt một trong các chuẩn kỹ năng Tin học để xét tốt nghiệp: Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao (do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT - BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016); hoặc chứng chỉ Tin học văn phòng quốc tế MOS (Word, Excel, Powerpoint) với điểm đạt từ 700 trở lên.

ELO 9: Thực hiện tốt các kỹ năng trong giao tiếp, hợp tác, đàm phán, quản lý mâu thuẫn và phản biện chuyên môn khi thực hiện các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu.

ELO 10: Sử dụng thành thạo các loại máy móc, trang thiết bị và các phần mềm chuyên ngành để điều tra, khảo sát, đo đạc, thu thập và xử lý số liệu phục vụ các công tác chuyên môn trong các lĩnh vực Quản lý đất đai.

ELO 11: Phân tích được những thông tin trong các lĩnh vực quản lý đất đai để khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong thực tiễn liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai một cách khoa học và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, có hiệu lực và hiệu quả quản lý.

ELO 12: Tổ chức được các công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, thu thập, xử lý số liệu tại thực địa.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

ELO 13: Giải quyết được các hoạt động chuyên môn và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước tập thể về các quyết định của cá nhân, sẵn sàng chia sẻ kiến thức chuyên môn để giúp ích cho cộng đồng và xã hội.

ELO 14: Giám sát những người cùng nhiệm vụ thực hiện công việc được giao. Có thể tự định hướng giải quyết công việc, tự đưa ra kết luận cá nhân và bảo vệ được quan điểm cá nhân khi thuyết trình, bảo vệ các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu.

ELO 15: Đánh giá được những khó khăn, nguy cơ, rủi ro và tìm ra được các giải pháp xử lý khi thực hiện các nhiệm vụ như điều tra, khảo sát, đo đạc, thu thập và xử lý dữ liệu thông tin đất đai, khi tương tác phối hợp với các đối tác khác thực hiện các nội dung quản lý đất đai.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

a. Kiến thức giáo dục đại cương:.

+ Kiến thức giáo dục đại cương bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 42 tín chỉ.

+ Kiến thức giáo dục đại cương không bao gồm Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất: 29 tín chỉ.

+ Bắt buộc: 25 tín chỉ.

+ Tự chọn: 4/8 tín chỉ (4 tín chỉ tự chọn để học trong tổng số 8 tín chỉ tự chọn).

b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 97 tín chỉ.

- Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành: 85 tín chỉ.

+ Bắt buộc: 65 tín chỉ.

+ Tự chọn: 20/68 tín chỉ (20 tín chỉ tự chọn để học trong tổng số 68 tín chỉ tự chọn).

- Kiến thức tốt nghiệp: 12 TC.

+ Thực tập tốt nghiệp: 4 TC.

+ Khóa luận / Đề án tốt nghiệp: 8 TC.

Tổng khối lượng: 126 TC (không tính các học phần GDTC, QPAN).

Tổng khối lượng: 139 TC (tính cả các học phần GDTC, QPAN).

4. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy theo tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian đào tạo: 4 năm (8 học kỳ) bố trí các học phần kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo ngành học trong thời gian quy định cho khóa học và thỏa mãn các yêu cầu về kết quả học tập và các điều kiện khác theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy theo tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

Có các chứng chỉ theo yêu cầu chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh, chứng chỉ giáo dục thể chất,...);

Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và tin học theo quy định của trường.

6. Cách thức đánh giá

Kết quả học tập được đánh giá theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy theo tín chỉ do Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ban hành bao gồm hai loại thang điểm:

a) Thang điểm 10 là thang điểm tiện ích tham chiếu, được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm,...) sử dụng thang điểm 10.

b) Thang điểm 4 là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10 dựa theo Bảng 1, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Danh sách các học phần và trong chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương											
1.1. Lý luận chính trị											
1	12 11 1 5 010	Triết học Mác - Lênin	1	3	45	0	0		90		
2	12 11 1 5 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	30	0	0		60		
3	12 11 1 5 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	30	0	0		60		
4	12 11 1 5 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	30	0	0		60		
5	12 11 1 5 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	2	30	0	0		45		
1.2. Khoa học xã hội											
6	12 11 1 5 015	Pháp luật đại cương	1	2	30	0	0		15		
1.3. Ngoại ngữ											
7	11 13 1 5 006	Anh văn 1	1	3	45	0	0		100		
8	11 13 1 5 002	Anh văn 2	2	3	45	0	0		100	11 13 1 5 006	
1.4. Khoa học tự nhiên											
1.4.1 Bắt buộc											
9	11 11 1 5 008	Toán cao cấp 1	1	2	30	0	0		45		
10	11 11 1 5 009	Toán cao cấp 2	2	2	30	0	0		60	11 11 1 5 008	
11	11 11 1 5 011	Xác suất thống kê	3	2	30	0	0		45		
1.4.2. Tự chọn											
12	11 11 1 5 010	Toán cao cấp 3	2	2	30	0	0		45		Tự chọn: 4/8TC
13	11 12 1 5 009	Cơ - Nhiệt	2	2	30	0	0		45		Tự chọn: 4/8TC
14	11 12 1 5 010	Điện từ - Quang	2	2	30	0	0		45		Tự chọn: 4/8TC
15	11 12 1 5 004	Hóa học đại cương	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 4/8TC
1.5. Giáo dục thể chất											
16	20 00 1 5 001	GDTC - Đá cầu	1	1	6	0	24				
17	20 00 1 5 002	GDTC - Bóng chuyền	1	1	6	0	24				
18	20 00 1 5 003	GDTC - Cầu Lông	1	1	6	0	24				
19	20 00 1 5 004	GDTC - Điền kinh	1	1	6	0	24				
20	20 00 1 5 005	GDTC - Thể dục	1	1	6	0	24				
1.6. Giáo dục quốc phòng - An ninh											
21	20 00 1 5 006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	2	8							
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp											
2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành											
2.1.1. Bắt buộc											

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
22	16 01 1 5 100	Trắc địa đại cương	2	3	45	0	0		90		
23	16 01 1 5 002	Thực tập Trắc địa đại cương	3	2	0	0	60			16 01 1 5 100	
24	16 03 1 5 002	Bản đồ đại cương	4	2	30	0	0		60		
25	15 03 1 5 019	Cơ sở dữ liệu căn bản cho Quản lý đất đai	3	2	30	0	0		60		
26	15 03 1 5 018	GIS căn bản cho Quản lý đất đai	4	2	30	0	0		60		
27	17 01 1 5 010	Lập trình căn bản	4	2	30	0	0		60		
2.1.2. Tự chọn											
28	18 02 1 5 212	Kinh tế vi mô	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
29	18 02 1 5 213	Kinh tế vĩ mô	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
30	18 02 1 5 666	Kinh tế học đại cương	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
31	15 04 1 5 666	Kinh tế học bền vững cho Quản lý đất đai	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
32	14 01 1 5 002	Môi trường và con người	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
33	13 11 1 5 070	Khí tượng và khí hậu đại cương	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
34	13 12 1 5 060	Thủy văn đại cương	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
35	22 11 1 5 069	Tài nguyên nước	4	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
36	15 00 1 5 006	Sinh thái học cảnh quan	4	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
37	19 01 1 5 152	Địa chất thủy văn sinh thái	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
38	15 00 1 5 004	Logic học đại cương	5	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
39	15 00 1 5 003	Tâm lý học đại cương	4	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
40	15 00 1 5 002	Xã hội học đại cương	4	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
41	15 00 1 5 001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
42	15 00 1 5 007	Địa lý học lịch sử Việt Nam	3	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
43	15 04 1 5 002	Phân tích định lượng cho quản lý	4	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
44	11 11 1 5 012	Toán ứng dụng	5	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
2.2. Kiến thức cơ sở ngành											
2.2.1. Bắt buộc											
45	15 04 1 5 001	Nguyên lý thống kê	4	2	30	0	0		60		
46	15 02 1 5 001	Cơ sở quản lý đất đai	3	2	30	0	0		60		
47	15 01 1 5 001	Tài nguyên đất đai	3	2	30	0	0		60		
48	15 04 1 5 003	Kinh tế đất đai	4	2	30	0	0		60		
49	15 02 1 5 002	Chính sách đất đai	4	2	30	0	0		60		
2.3. Kiến thức ngành											
2.3.1. Bắt buộc											
50	15 02 1 5 004	Hệ thống đăng ký đất đai	5	2	30	0	0		60		
51	15 02 1 5 005	Thống kê và kiểm kê đất đai	5	2	30	0	0		60		
52	15 03 1 5 003	Quản lý thông tin đất đai	5	2	30	0	0		60		
53	15 01 1 5 003	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	5	2	30	0	0		60	15 01 1 5 002	
54	15 01 1 5 002	Đánh giá đất đai	4	2	30	0	0		60	15 01 1 5 001	
55	15 04 1 5 005	Định giá đất đai	5	2	30	0	0		60		
56	15 01 1 5 004	Quy hoạch sử dụng đất đai	5	2	30	0	0		60		
57	15 00 1 5 005	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý đất đai	5	2	30	0	0		60		
2.4. Kiến thức chuyên ngành *											
Chuyên ngành Địa chính											
Phần bắt buộc											
58	15 03 1 5 001	Tin học chuyên ngành Quản lý đất đai	6	1	15	0	0		30		
59	15 03 1 5 002	Thực hành tin học chuyên ngành Quản lý đất đai	6	2	0	0	60		60	15 03 1 5 001	
60	15 03 1 5 007	GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	6	2	0	0	60		60		
61	16 03 1 5 103	Bản đồ địa chính	6	2	30	0	0		60	16 03 1 5 002	
62	15 03 1 5 004	Cơ sở dữ liệu đất đai	6	2	30	0	0		60	15 03 1 5 019	
63	15 02 1 5 006	Hệ thống văn bản và hồ sơ địa chính	6	2	0	0	60		60		
64	15 02 1 5 007	Giao, cho thuê và thu hồi đất đai	7	2	30	0	0		60		
65	15 02 1 5 008	Tài chính đất đai	7	2	30	0	0				
66	15 02 1 5 009	Thanh tra đất đai	7	2	30	0	0		60		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
67	15 02 1 5 014	Đồ án Đăng ký - Thông kê đất đai	6	2	0	0	0	60		15 02 1 5 004; 15 02 1 5 005	
68	15 02 1 5 015	Đồ án Bồi thường giải phóng mặt bằng	7	2	0	0	0	60		15 02 1 5 007	
69	15 03 1 5 016	Đồ án Cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính	7	2	0	0	0	60		15 03 1 5 004	
70	15 02 1 5 030	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	6	1	0	0	0	30			
71	15 01 1 5 039	Thực hành thiết kế quy hoạch sử dụng đất đai	7	2	0	0	60		60		
Phần tự chọn											
72	15 03 1 5 011	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin đất đai	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
73	15 02 1 5 003	Luật đất đai	4	2	20	10	0		60		Tự chọn: 10/34TC
74	16 01 1 5 102	Trắc địa địa chính	6	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
75	15 01 1 5 005	Mô hình hóa quy hoạch sử dụng đất đai	6	2	25	5	0		60		Tự chọn: 10/34TC
76	15 04 1 5 006	Thực hành mô hình hóa định giá đất đai	6	2	0	0	60		60		Tự chọn: 10/34TC
77	15 04 1 5 011	Phân tích và dự báo kinh tế - xã hội trong sử dụng đất đai	6	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
78	15 02 1 5 010	Luật nhà ở và Luật xây dựng	6	2	20	10	0		60		Tự chọn: 10/34TC
79	15 01 1 5 010	Quy hoạch sử dụng đất đai chuyên đề	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
80	15 04 1 5 017	Hệ thống quản lý giá đất	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
81	15 04 1 5 012	Phát triển đất đai	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
82	15 05 1 5 001	Giám sát đất đai	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
83	15 04 1 5 008	Thị trường bất động sản	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
84	15 04 1 5 007	Định giá bất động sản	7	2	0	0	60		60		Tự chọn: 10/34TC
85	15 02 1 5 011	Luật dân sự	7	2	20	10	0		60		Tự chọn: 10/34TC
86	15 04 1 5 018	Phong thủy và ứng dụng	7	2	30	0	0		60		Tự chọn: 10/34TC
87	15 03 1 5 005	Cơ sở dữ liệu 3D và ứng dụng	7	2	0	0	60		60		Tự chọn: 10/34TC
88	15 01 1 5 012	Đánh giá tác động môi	7	2	30	0	0		60		Tự chọn:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần học trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
		trường trong sử dụng đất đai									10/34TC
2.5. Thực tập và đồ án/ khóa luận tốt nghiệp											
89	15 00 1 5 031	Thực tập tốt nghiệp	7	4	0	0	0	120			
90	15 00 1 5 032	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	0	0	240		15 00 1 5 031	
Tổng số tín chỉ (*)				126							

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết;

- TH, BT, TT, ĐA, BTL: Thực hành, Bài tập, Thực tập, Đồ án, Bài tập lớn

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

7.2. Mô tả nội dung học phần trong chương trình đào tạo

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương					
1	12 11 1 5 010	Triết học Mác - Lênin	Ngoài một chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát nhưng nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.	45/0/90	
2	12 11 1 5 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về học thuyết giá trị, giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế CNTB độc quyền, CNTB độc quyền nhà nước, sự mạnh giai cấp công nhân và cách mạng xã hội, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng thế giới.	30/0/60	
3	12 11 1 5 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết các phạm trù, khái niệm, các quy luật chính trị - xã hội; Thực hiện đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước; Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn.	30/0/60	
4	12 11 1 5 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Môn tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc chung. Sau khi học xong môn học này, người học sẽ có ý thức trong việc vận dụng những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn. Nội dung của môn học bao gồm 8 chương trình bày những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học và trong mỗi chương sẽ trình bày những nội dung cơ bản theo mục tiêu của	30/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			từng chương.		
5	12 11 1 5 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Là học phần bắt buộc, được giảng dạy cuối cùng trong các học phần lý luận chính trị. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên về phẩm chất, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp của dân tộc. Giúp sinh viên hiểu biết về sự ra đời và lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam; Thực hiện những vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội của đất nước; Xây dựng tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	30/0/45	
6	11 13 1 5 006	Anh văn 1	Thông qua 7 đơn vị bài học cung cấp cho sinh viên một số lượng từ vựng phong phú về các chủ điểm giáo dục, công việc, thư tín, hợp đồng, Về cú pháp cung cấp cho sinh viên cách sử dụng các loại từ loại trong tiếng Anh, câu ra lệnh, lời đề nghị, thông báo.	45/0/100	
7	11 13 1 5 002	Anh văn 2	Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình Tiếng Anh 7 năm ở bậc trung học	45/0/100	
8	11 11 1 5 008	Toán cao cấp 1	Trang bị cho sinh viên các khái niệm về tập hợp, ánh xạ, quan hệ và quan hệ thứ tự. Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức, ma trận và lý thuyết hệ phương trình tuyến tính. Trang bị cho sinh viên khái niệm về không gian vector, hệ độc lập tuyến tính, cơ sở và số chiều không gian, ánh xạ tuyến tính và ma trận của nó, phép biến đổi tuyến tính, vector riêng và giá trị riêng. Nắm vững đường cong bậc hai và mặt bậc hai của hình học giải tích.	30/0/45	
9	11 11 1 5 009	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vector số học n chiều; ma trận và định thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép vi phân đối với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân.	30/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
10	11 11 1 5 011	Xác suất thống kê	Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.	30/0/45	
11	12 11 1 5 015	Pháp luật đại cương	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.	30/0/15	
12	20 00 1 5 001	GDTC - Đá cầu	Môn học bao gồm hệ thống những kiến thức về: Lịch sử phát triển môn đá cầu; Chấn thương trong đá cầu; Năm được kỹ năng vận động, rèn luyện các tố chất thể lực và kỹ thuật cơ bản trong môn đá cầu như: di chuyển, tâng cầu, đỡ chuyển cầu, phát cầu, luật thi đấu và trọng tài ..., các phương pháp và bài tập rèn luyện sức nhanh tốc độ, sức bền tốc độ, mềm dẻo, khéo léo, linh hoạt, khả năng phối hợp vận động, tư duy sáng tạo.	6/24/0	
13	20 00 1 5 002	GDTC – Bóng chuyền	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn bóng chuyền, giúp cho các em nắm được các kỹ thuật căn bản cũng như những điều luật thi đấu trong môn bóng chuyền có tác dụng nâng cao thể lực, đảm bảo sức khỏe để học tập chuyên ngành. Giúp cho sinh viên có môi trường rèn luyện thể chất và phát triển con người toàn diện cả về thể lực và trí lực, thích hợp cho cả nam và nữ ở các lứa tuổi khác nhau.	6/24/0	
14	20 00 1 5 003	GDTC – Cầu Lông	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn cầu lông, giúp cho các em nắm được các kỹ thuật căn bản cũng như những điều luật thi đấu trong môn cầu lông. Tham gia luyện tập môn cầu lông có tác	6/24/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			dụng nâng cao thể lực, đảm bảo sức khỏe để học tập chuyên ngành. Giúp cho sinh viên có môi trường rèn luyện thể chất và phát triển con người toàn diện cả về thể lực và trí lực, thích hợp cho cả nam và nữ ở các lứa tuổi khác nhau.		
15	20 00 1 5 004	GDTC – Điền kinh	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, các kỹ năng và luật thi đấu của môn chạy ngắn và nhảy cao kiểu nằm nghiêng. Tham gia luyện tập có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về thể lực và trí lực, thích hợp cho cả nam và nữ ở các lứa tuổi khác nhau.	6/24/0	
16	20 00 1 5 005	GDTC – Thể dục	Học phần Thể dục nằm trong chương trình chung của môn học Giáo dục thể chất của trường, gồm bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác, nhằm hình thành cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn học để vận dụng trong học tập và cuộc sống, góp phần cho sinh viên phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn kiến thức chuyên môn.	6/24/0	
17	20 00 1 5 006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.		
18	11 11 1 5 010	Toán cao cấp 3	Học phần được kết cấu gồm ba nội dung lớn mà sinh viên cần nắm được đó là hàm số nhiều biến thực; tích phân bội và phương trình vi phân.	30/0/45	
19	11 12 1 5 009	Cơ - Nhiệt	Học viên cần nắm được các nội dung của môn học Cơ – Nhiệt bao gồm: Phần cơ học gồm những kiến thức cơ bản về động học và động lực học chất điểm, động lực học hệ chất điểm, năng lượng và cơ học chất lưu; Phần nhiệt học gồm nguyên lý I và nguyên lý II nhiệt động học.	30/0/45	
20	11 12 1 5 010	Điện từ - Quang	Môn học Điện Từ – Quang bao gồm những nội dung sau: Phần Điện Từ gồm những kiến thức cơ bản về trường tĩnh điện và trường điện từ; Phần Quang học gồm những kiến thức cơ bản về quang hình học và quang học	30/0/45	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			sóng (trong đó nghiên cứu hiện tượng giao thoa và nhiễu xạ ánh sáng).		
21	11 12 1 5 004	Hóa học đại cương	Những định luật cơ bản của hoá học, các nguyên lý nhiệt động hoá học, cấu tạo chất, phản ứng hoá học, dung dịch, điện hoá, và các hệ keo.	30/0/60	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
2.1. Kiến thức chung của ngành					
22	16 01 1 5 100	Trắc địa đại cương	Nắm vững một số kiến thức cơ bản về trắc địa và bản đồ; những kiến thức về máy móc, dụng cụ đo đạc và cách sử dụng chúng trong công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa hình; nắm vững kiến thức cơ bản về xây dựng lưới khống chế mặt phẳng, lưới khống chế độ cao phục vụ việc thành lập bản đồ địa hình; trình tự, nội dung các bước công tác khi đo vẽ thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc. Có khả năng sử dụng, kiểm nghiệm một số loại máy móc đo đạc thông thường dùng trong đo góc, đo khoảng cách và đo chênh cao; cách ghi chép, tính toán và xử lý kết quả đo đạc; có khả năng xây dựng lưới khống chế thành lập bản đồ địa hình; đo ngắm, tính toán, bình sai gần đúng đường chuyền độ cao phù hợp, đường chuyền độ cao khép kín và lưới đường chuyền độ cao một điểm nút; thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc.	45/0/90	
23	16 01 1 5 002	Thực tập Trắc địa đại cương	Nắm vững quy trình, phương pháp, nội dung thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ lớn. Nắm vững kiến thức thực hiện các công việc khi đo vẽ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ lớn bao gồm: công tác chuẩn bị, khảo sát, thiết kế, đo ngắm, tính toán, bình sai lưới khống chế đo vẽ; bố trí và đo ngắm tầng dày điểm trạm đo, đo vẽ chi tiết, tu chỉnh, kiểm tra nghiệm thu và giao nộp thành quả.	0/60/0	
24	16 03 1 5 002	Bản đồ đại cương	Nắm vững kiến thức về khái niệm bản đồ, các phương pháp thành lập, biên tập, các quy trình công nghệ sản xuất và cách sử dụng bản đồ; những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ bản đồ và những quy định kỹ thuật biểu thị các yếu tố nội dung bản đồ. Có khả năng sử dụng các công cụ truyền thống và vận dụng những kiến thức đã học để biểu thị các yếu tố nội dung bản đồ đạt yêu cầu kỹ thuật; ứng dụng công nghệ mới vào công tác thành lập các loại bản đồ.	30/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
25	15 03 1 5 019	Cơ sở dữ liệu căn bản cho Quản lý đất đai	Nắm vững kiến thức về CSDL không gian, một số giải pháp CSDL không gian phổ biến, nội dung về CSDL tài nguyên đất và hệ thống thông tin đất đai. Có khả năng phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.	30/0/60	
26	15 03 1 5 018	GIS căn bản cho Quản lý đất đai	Học phần trang bị khối kiến thức nền tảng, nguyên lý khoa học của Hệ thống thông tin địa lý (GIS), cung cấp những kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin địa lý (GIS). Giới thiệu một số ứng cơ bản của GIS trong quản lý đất đai.	30/0/60	
27	17 01 1 5 010	Lập trình căn bản	Nắm vững kiến thức về nguyên lý lập trình máy tính, nguyên tắc lập trình hướng sự kiện bằng Visual Basic, hiểu rõ được công dụng và các thuộc tính thường dùng của các đối tượng điều khiển chuẩn. Viết được giải thuật một số phần toán cơ bản bằng mã giả và lưu đồ, sử dụng thành thạo các đối tượng điều khiển chuẩn để viết ứng dụng bằng Visual Basic, viết được một số ứng dụng cơ bản bằng Visual Basic.	30/0/60	
28	18 02 1 5 212	Kinh tế vi mô	Cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.	30/0/60	
29	18 02 1 5 213	Kinh tế vĩ mô	Cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô	30/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			của một nền kinh tế mở bao gồm cân cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.		
30	18 02 1 5 666	Kinh tế học đại cương	Mục tiêu chính của môn học là giới thiệu những công cụ chính của kinh tế học vĩ mô hiện đại nhằm giúp các học viên hiểu biết đầy đủ và chính xác về những vấn đề kinh tế quan trọng và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ, để từ đó học viên có thể phân tích, dự báo những hiện tượng kinh tế trong thế giới thực.	30/0/60	
31	15 04 1 5 666	Kinh tế học bền vững cho Quản lý đất đai	Lý thuyết kinh tế của nghiên cứu bền vững mà có chú ý đến các cơ sở can thiệp của đa chuyên ngành với trọng tâm là làm sao có thể đạt được chuẩn mực về kinh tế, sinh thái và văn hóa – xã hội trong giới hạn khả năng chịu đựng của thiên nhiên, cũng như đảm bảo thực thi nguyên tắc công bằng nội và liên thế hệ.	30/0/60	
32	14 01 1 5 002	Môi trường và con người	Được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về con người và sự phát triển của con người, các khái niệm sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, sự tương tác giữa con người và môi trường, vai trò của con người trong cách tiếp cận bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể giải thích được nguyên nhân chính gây nên các vấn đề môi trường, đồng thời cũng tự đưa ra được các biện pháp và hành vi tương thích để bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.	30/0/60	
33	13 11 1 5 070	Khí tượng và khí hậu đại cương	Trình bày các kiến thức đại cương về khí quyển, tĩnh học khí quyển, chế độ nhiệt của mặt đất, nước và khí quyển, các nhân tố hình thành khí hậu, nước trong khí quyển, dao động và biến đổi khí hậu.	30/0/60	
34	13 12 1 5 060	Thủy văn đại cương	Trình bày tổng quan về nước trên trái đất và khoa học về nước; trình bày cơ sở vật lý của các hiện tượng và quá trình thủy văn; phân tích các điều kiện khí tượng và ảnh hưởng của chúng đến chế độ nước đất liền; trình bày các kiến thức cơ bản và tổng quát nhất về nước dưới đất; khái niệm và cách xác định lưu vực sông, các đặc trưng hình thái của sông ngòi và lưu vực; nghiên cứu cơ chế và một số quy luật chuyển động của nước trong	30/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			sông, các dòng chảy vòng trong nước, tổng quan về chế độ dòng chảy và mực nước sông, ảnh hưởng của các điều kiện mặt đệm và hoạt động kinh tế của con người tới chế độ nước sông, chế độ dòng chảy phù sa sông và diễn biến dòng sông; trình bày các kiến thức cơ bản và tổng quát nhất về hồ, hồ chứa nhân tạo và đầm lầy.		
35	22 11 1 5 069	Tài nguyên nước	Trình bày những kiến thức cơ bản về nước trong các thủy vực lục địa như một loại hình tài nguyên thiên nhiên đặc biệt, trong mối quan hệ giữa nó với các yếu tố tự nhiên nhằm hướng tới sử dụng hợp lý và tối ưu cho cả con người và tự nhiên.	30/0/60	
36	15 00 1 5 006	Sinh thái học cảnh quan	Học phần Sinh thái học cảnh quan cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên ngành, sự hiểu biết về quan hệ phức tạp giữa hệ sinh thái học với cảnh quan, con người với cảnh quan cũng như sự đa dạng về hệ sinh thái, cảnh quan ở vùng nhiệt đới gió mùa ở Châu Á và Việt Nam nhằm bảo vệ những giá trị sinh thái cảnh quan phục vụ cho phát triển du lịch sinh thái.	30/0/60	
37	19 01 1 5 152	Địa chất thủy văn sinh thái	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tài nguyên nước dưới đất, quá trình di chuyển và tích lũy cùng với các tác động sinh thái của các chất ô nhiễm trong nước dưới đất đến hệ sinh thái và các giải pháp quản lý chất lượng nước dưới đất.	30/0/60	
38	15 00 1 5 004	Logic học đại cương	Là học phần bắt buộc, được giảng dạy trong chương trình đào tạo ngành quản lý đất đai, nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức về các hình thức, các quy tắc và quy luật của tư duy. Giúp sinh viên biết phân tích kết cấu của quá trình tư duy, chỉ ra các thao tác logic và phương pháp luận chuẩn xác để đạt được tri thức chân thực về thế giới.	30/0/60	
39	15 00 1 5 003	Tâm lý học đại cương	Là học phần tự chọn, được sắp xếp dạy ngay từ học kỳ đầu tiên của khóa học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản để sinh viên hiểu được về tâm lý người, từ đó trang bị khả năng thích ứng tốt với môi trường xã hội. Sinh viên khi đang học và sau khi ra trường biết cách xây dựng tốt các mối quan hệ, cải thiện giao tiếp, tự tin với bản thân và phát triển sự nghiệp.	30/0/60	
40	15 00 1 5 002	Xã hội học đại	Xây dựng nền tảng cơ sở cho sinh viên hiểu	30/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		ương	và vận dụng cách ứng xử phù hợp với các mối quan hệ trong thực tế. Sinh viên nhận thức đúng đắn về vai trò, trách nhiệm cá nhân khi tham gia vào quan hệ xã hội, quan hệ pháp luật đất đai, nhằm lan tỏa ý nghĩa tích cực góp phần vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội		
41	15 00 1 5 001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Là học phần tự chọn, được sắp xếp dạy ngay từ học kỳ đầu tiên của khóa học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản để sinh viên hiểu được về văn hóa, tầm quan trọng của văn hóa trong sự phát triển của đất nước, từ đó trang bị những kỹ năng mềm, khả năng thích ứng tốt với môi trường xã hội. Sinh viên khi đang học và sau khi ra trường biết cách xây dựng tốt các mối quan hệ, cải thiện giao tiếp, tự tin với bản thân và phát triển sự nghiệp.	30/0/60	
42	15 00 1 5 007	Địa lý học lịch sử Việt Nam	Học phần trang bị những kiến thức tổng quan về địa lý tự nhiên Việt nam, về lịch sử Việt Nam, quá trình hình thành lãnh thổ Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Từ kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử người học áp dụng linh hoạt trong giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai. Cũng qua đó giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức bảo vệ Tô Quốc, khát vọng cống hiến để phát triển đất nước hòa bình, thịnh vượng trong thời kỳ hội nhập.	30/0/60	
43	15 04 1 5 002	Phân tích định lượng cho quản lý	Phân tích định lượng cho quản lý là môn học cơ sở ngành cung cấp những kiến thức nền tảng cơ bản về các ứng dụng về phương pháp định lượng nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định trong các tình huống quản lý của doanh nghiệp.	30/0/60	
44	11 11 1 5 012	Toán ứng dụng	Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về dãy số, hàm số và giới hạn; sự liên tục của hàm số; đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm một biến; ma trận và các phép toán về ma trận; định thức; hệ phương trình tuyến tính; phép tính vi phân của hàm nhiều biến và tích phân bội.	30/0/60	
2.2 Kiến thức cơ sở ngành					
45	15 04 1 5 001	Nguyên lý thống kê	Giới thiệu lý thuyết thống kê và cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập.	30/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý.		
46	15 02 1 5 001	Cơ sở quản lý đất đai	Trình bày những kiến thức cơ bản về (1) Cơ sở lý luận nghiên cứu quản lý đất đai bao gồm các nội dung về nguyên lý Bất định và lý thuyết Vị thế - Chất lượng, các ứng dụng trong nghiên cứu quản lý đất đai; (2) Lý thuyết về quản lý đất đai bao gồm các nội dung về vai trò của nhà nước trong quản lý đất đai, nội dung, phương pháp và cơ chế quản lý nhà nước về đất đai, tổng quan các hệ thống quản lý đất đai ở một số nước trên thế giới và tìm hiểu chi tiết về hệ thống quản lý nhà nước về đất đai của nước CHXHCN Việt Nam.	30/0/60	
47	15 01 1 5 001	Tài nguyên đất đai	Trình bày 03 nội dung chính, bao gồm: tổng quan những vấn đề cơ bản về tài nguyên đất đai; nghiên cứu điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và mối quan hệ đến việc hình thành tài nguyên đất đai Việt Nam; nghiên cứu những tính chất cơ bản về đất và phân loại, đánh giá tài nguyên đất đai theo quan điểm phát sinh và quan điểm kinh tế-xã hội.	30/0/60	
48	15 04 1 5 003	Kinh tế đất đai	Nắm vững kiến thức về cơ chế hoạt động và các hình thức biểu hiện của các quy luật kinh tế trong sử dụng đất đai, cụ thể như khái niệm đất đai, quan hệ sở hữu đất đai, quy luật phân vùng và giá trị đất đai,... Có khả năng phân tích tổng hợp lý giải các vấn đề về đất đai một cách khoa học; Nhận biết được các xu hướng sử dụng đất đai dưới tác động của các quy luật kinh tế khách quan, từ đó có thể xác định được các biện pháp phát huy tính tích cực hay giới hạn tác động tiêu cực của các quy luật này.	30/0/60	
49	15 02 1 5 002	Chính sách đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về chính sách đất đai. Học phần được chia thành 3 phần, có nội dung cơ bản là: tổng quan về chính sách và chính sách đất đai, các nguyên tắc cơ bản của chính sách đất đai và một số chính sách đất đai chính.	30/0/60	
2.3 Kiến thức của ngành					
50	15 02 1 5 004	Hệ thống đăng ký đất đai	Hiểu được vị trí và vai trò của đăng ký đất đai trong hệ thống quản lý nhà nước về đất đai, nắm vững kiến thức về hệ thống các tiêu chí đăng ký, hệ thống hồ sơ đăng ký, cơ chế đăng ký đất đai.	30/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề đăng ký đất đai, có kỹ năng nghiệp vụ đăng ký và hoàn thiện hồ sơ địa chính.		
51	15 02 1 5 005	Thống kê và kiểm kê đất đai	Nắm vững nội dung về thống kê đất đai hàng năm, kiểm kê đất đai định kỳ và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai. Thực hiện được các nghiệp vụ về thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất đai.	30/0/60	
52	15 03 1 5 003	Quản lý thông tin đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức về thông tin đất đai, nhận biết được vai trò và chức năng của thông tin đất đai trong hệ thống quản lý đất đai, biết được các phương pháp thu nhận, lưu trữ và xử lý thông tin đất đai.	30/0/60	
53	15 01 1 5 003	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	Học phần Sử dụng và Bảo vệ Tài nguyên đất bao gồm 04 nội dung chính: (1) Những vấn đề cơ bản về tài nguyên đất: trình bày khái niệm, các đặc điểm của đất đai, các tính chất thổ nhưỡng của đất đai, tình hình sử dụng tài nguyên đất ở Việt Nam; (2) Giá trị sử dụng đất đai: Nghiên cứu các khái niệm, các chỉ tiêu xác định giá trị sử dụng, phương pháp sử dụng đất, khả năng sử dụng một số nhóm đất chính ở Việt Nam và tác động của chuyển đổi mục đích sử dụng đất đến chất lượng đất đai; (3) Nghiên cứu các quá trình thoái hóa và ô nhiễm đất: Khái niệm; các loại hình và yếu tố ảnh hưởng đến thoái hóa đất, ô nhiễm đất; nguyên nhân của thoái hóa ô nhiễm đất, thực trạng, hậu quả của thoái hóa, ô nhiễm đất; phương pháp và quy trình đánh giá thoái hóa đất; (4) Khái niệm, sự cần thiết phải bảo vệ đất và các giải pháp bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên đất.	30/0/60	
54	15 01 1 5 002	Đánh giá đất đai	Học phần Đánh giá đất đai trình bày những vấn đề về đánh giá tiềm năng nguồn tài nguyên đất đai trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất đai, căn cứ xác định các chỉ tiêu về tự nhiên và kinh tế xã hội để xây dựng bản đồ đơn vị đất đai, lựa chọn, mô tả loại hình sử dụng đất, yêu cầu sử dụng đất và xác định các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và môi trường để đánh giá khả năng thích nghi của từng mục đích cụ thể cho từng đơn vị đất đai trên quan điểm sinh thái và phát triển bền vững...	30/0/60	
55	15 04 1 5 005	Định giá đất đai	Nắm vững cơ sở lý luận về giá trị đất đai, các nguyên tắc và phương pháp định giá đất đai. Nhận biết và định lượng được mức độ tác động các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả đất đai; xác định được giá trị đất đai các loại cho từng mục tiêu cụ thể.	30/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
56	15 01 1 5 004	Quy hoạch sử dụng đất đai	Quy hoạch đất đai là môn học chuyên ngành cung cấp những kiến thức về cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý của quy hoạch đất đai theo ngành và theo lãnh thổ, xét trong mối quan hệ với quy hoạch liên ngành, quy hoạch ngành; nội dung và phương pháp quy hoạch đất đai.	30/0/60	
57	15 00 1 5 005	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học những kiến thức về phương pháp luận và phương pháp thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học.	30/0/60	
2.3 Kiến thức chuyên ngành					
58	15 03 1 5 001	Tin học chuyên ngành Quản lý đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề trong hoạt động quản lý đất đai.	15/0/30	
59	15 03 1 5 002	Thực hành tin học chuyên ngành Quản lý đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức về sử dụng các phần mềm chuyên ngành để giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý đất đai.	0/60/60	
60	15 03 1 5 007	GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	GIS ứng dụng thuộc khối kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành quản lý đất đai, là môn học giới thiệu mô tả cấu trúc CSDL của một hệ thống thông tin địa lý được ứng dụng trong công tác quản lý đất đai; theo quy trình chuẩn kỹ thuật xây dựng CSDL và các bước thành lập các loại bản đồ chuyên đề trong hệ thống thông tin đất đai đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý đất đai.	0/60/60	
61	16 03 1 5 103	Bản đồ địa chính	“Bản đồ địa chính” là một môn học, giới thiệu cho sinh viên những khái niệm, hiểu biết cơ bản về bản đồ địa chính. Đặc biệt là các phương pháp trình bày và biên tập bản đồ địa chính. Qua môn học sẽ giúp sinh viên có thể đọc hiểu và sử dụng được bản đồ địa chính dạng số và dạng giấy.	30/0/60	
62	15 03 1 5 004	Cơ sở dữ liệu đất đai	Học phần giới thiệu mô hình hệ thống và các thành phần chính của CSDL Quốc gia về tài nguyên đất, đồng thời cung cấp các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, một số giải pháp tiêu biểu về CSDL không gian và tình hình triển khai các dự án liên quan đến tài nguyên đất hiện nay.	30/0/60	
63	15 02 1 5 006	Hệ thống văn bản và hồ sơ địa chính	Học phần trình bày kiến thức cơ bản về văn bản, hệ thống văn bản trong quản lý nhà nước, các yêu cầu về nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định pháp luật hiện hành; Kiến thức trong việc lập, quản lý hồ sơ địa chính; phương pháp soạn thảo những văn bản hành chính trong hệ thống hồ sơ địa chính (bảo cáo, biên bản,	0/60/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			tờ trình, quyết định, cụng văn...).		
64	15 02 1 5 007	Giao, cho thuê và thu hồi đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ chế điều phối đất đai của nhà nước trong thị trường sơ cấp nhằm điều chỉnh và phân phối đất đai theo nhu cầu xã hội và quy hoạch, kế hoạch của nhà nước. Học phần được chia thành 3 phần, có nội dung cơ bản là: những vấn đề chung về giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất; nội dung công tác giao đất, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất.	30/0/60	
65	15 02 1 5 008	Tài chính đất đai	Tài chính đất đai thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành quản lý đất đai, trình bày những vấn đề có liên quan đến tài chính nói chung và tài chính đất đai nói riêng; phân tích các chủ thể tham gia quan hệ đất đai có phát sinh tài chính đất đai. Chủ thể thực hiện cơ chế quản lý tài chính đất đai và phương pháp xác định từng loại nghĩa vụ tài chính đất đai.	30/0/60	
66	15 02 1 5 009	Thanh tra đất đai	Học phần cung cấp những kiến thức về nghiệp vụ thanh tra nhà nước, những nội dung cơ bản về thanh tra đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai.	30/0/60	
67	15 02 1 5 014	Đồ án Đăng ký - Thống kê đất đai	Đồ án Đăng ký- Thống kê đất đai giúp sinh viên hệ thống, củng cố những kiến thức về đăng ký đất đai, cấp GCN, lập hồ sơ địa chính và thống kê đất đai. Đồ án giúp hoàn thiện kỹ năng tay nghề cơ bản cho sinh viên tiếp cận công việc nghiệp vụ thực tế trong công tác quản lý đất đai. Nội dung Đồ án bao gồm 2 phần: Đăng ký đất đai và Thống kê đất đai.	0/60/0	
68	15 02 1 5 015	Đồ án Bồi thường giải phóng mặt bằng	Đồ án Bồi thường giải phóng mặt bằng giúp sinh viên hệ thống, củng cố những kiến thức về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đai; hoàn thiện kỹ năng tay nghề cơ bản cho sinh viên tiếp cận công việc nghiệp vụ thực tế trong công tác quản lý đất đai. Nội dung Đồ án bao gồm 2 phần: xác định được nguồn gốc sử dụng của từng loại đất bị thu hồi; xác định được căn cứ pháp lý để bồi thường và hỗ trợ cho từng các loại đất bị thu hồi.	0/60/0	
69	15 03 1 5 016	Đồ án Cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho người học khả năng phân tích đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ GIS phục vụ công tác quản lý đất đai, cung	0/60/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			cấp kỹ năng ứng dụng GIS giúp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác quản lý đất đai.		
70	15 02 1 5 030	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tại cơ quan, công ty, doanh nghiệp để sinh viên tự trang bị thêm những kỹ năng, kiến thức từ thực tiễn làm việc. Đợt thực tập nhận giúp làm sáng tỏ những kiến thức lý thuyết được trang bị.	0/30/0	
71	15 01 1 5 039	Thực hành thiết kế quy hoạch sử dụng đất đai	Thực hành thiết kế quy hoạch đất đai là môn học chuyên sâu của ngành thiết kế các bước lập, điều chỉnh dự án quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, hợp phần quy hoạch cấp tỉnh, cấp huyện theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	0/60/60	
72	15 03 1 5 011	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin đất đai	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức về các bước phân tích và thiết kế hệ thống thông tin theo cách tiếp cận hướng đối tượng, dùng ngôn ngữ UML để mô hình và viết sơ liệu cho hệ thống, chuyên lược đồ phân tích thành lược đồ thiết kế, thiết kế hệ thống, thiết kế đối tượng và thiết kế dữ liệu.	30/0/60	
73	15 02 1 5 003	Luật đất đai	Môn học Luật đất đai là môn học cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về pháp luật đất đai. Học phần được chia thành 4 phần, có nội dung cơ bản là: tổng quan về pháp luật đất đai, quyền sở hữu và trách nhiệm quản lý của cơ quan nhà nước, chế độ sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.	20/0/60	
74	16 01 15 102	Trắc địa địa chính	Trắc địa địa chính là môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai. Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, hiểu biết về bản đồ địa chính, các phương pháp và qui trình thành lập bản đồ địa chính. Môn học sẽ giúp sinh viên có thể đọc hiểu và sử dụng được bản đồ địa chính dạng số và dạng giấy. Cuối cùng, trọng tâm chính của môn học sẽ đi sâu vào các công tác thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp đo vẽ trực tiếp. Học sinh cần được giới thiệu, có kiến thức và thực hiện một số kỹ thuật trong đo vẽ bản đồ địa chính bằng phương pháp trực tiếp như: vẽ sơ họa, đo chi tiết ngoài thực địa, biên vẽ bản đồ địa chính số trên phần mềm chuyên dụng.	30/0/60	
75	15 01 1 5 005	Mô hình hóa quy hoạch sử	Mô hình hóa quy hoạch sử dụng đất đai là môn học chuyên sâu của ngành trình bày các	25/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		dụng đất đai	kiến thức cơ bản về mô hình, mô hình hóa và mô phỏng; tiến trình mô hình hóa, tiêu chuẩn lựa chọn cũng như việc hiệu chỉnh các thông số, kiểm nghiệm mô hình. Môn học cũng giới thiệu các mô hình và phương pháp mô hình hóa ứng dụng cho mô phỏng sử dụng đất đai.		
76	15 04 1 5 006	Thực hành mô hình hóa định giá đất đai	Học phần này trình bày những kiến thức cơ bản về mô hình hóa bài toán định giá đất đai, bao gồm giới thiệu về đất đai, định giá đất đai và các mô hình định giá đất đai. Giúp cho sinh viên sau khi học xong học phần này biết cách chuyển đổi bài toán định giá thông thường sang bài toán định giá đất đai dưới góc độ mô hình. Ngoài ra, học phần này còn trình bày cho sinh viên kiến thức về kinh tế lượng và cách sử dụng một số phần mềm chuyên ngành như SPSS, Eview, STATA, R, DTREG, ...giúp sinh viên có thể xây dựng một mô hình định giá đất đai hoàn chỉnh.	0/60/60	
77	15 04 1 5 011	Phân tích và dự báo kinh tế - xã hội trong sử dụng đất đai	Phân tích và dự báo KT-XH trong sử dụng đất đai là môn học của ngành cung cấp những kiến thức cơ bản về dự báo, các phương pháp dự báo cơ bản cũng như cách thức đánh giá các mô hình dự báo. Các phương pháp dự báo này trong môn học được áp dụng cho hai đối tượng chính là dân số và quy mô sử dụng đất đai phục vụ cho việc hoạch định các chính sách, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.	30/0/60	
78	15 02 1 5 010	Luật nhà ở và Luật xây dựng	Học phần Luật nhà ở và Xây dựng thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức cơ bản trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở, kinh doanh nhà ở; quản lý nhà nước về xây dựng và nhà ở giúp sinh viên tiếp cận kiến thức pháp luật chuyên sâu phục vụ cho các môn học khác trong chuyên ngành. Học phần được chia thành 4 nội dung cơ bản gồm : Những khái niệm chung về nhà ở- Luật nhà ở ; Những khái niệm chung về xây dựng – Luật xây dựng ; Quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở ; Giao dịch về nhà ở - quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong giao dịch dân sự về nhà ở, công trình xây dựng.	20/0/60	
79	15 01 1 5 010	Quy hoạch sử dụng đất đai chuyên đề	Quy hoạch sử dụng đất đai chuyên đề là môn học chuyên sâu của ngành cung cấp những kiến thức về tổ chức sử dụng đất đai của một chuyên đề cụ thể. Môn học đề cập đến ba chuyên đề chính: Quy hoạch sử dụng đất đai chống hiện tượng xói mòn, mất đất; quy hoạch sử dụng đất đai nông nghiệp cho vùng có tưới và quy hoạch sử dụng đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu.	30/0/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
80	15 04 1 5 017	Hệ thống quản lý giá đất	Trình bày tổng hợp các kiến thức về hệ thống quản lý giá đất bao gồm các văn bản pháp luật, các tiêu chí phân vùng, phân khu vực và vị trí đất, các phương pháp và quy trình định giá đất hàng loạt và cụ thể theo quy định của pháp luật hiện hành, giới thiệu hệ thống thông tin hỗ trợ định giá đất.	30/0/60	
81	15 04 1 5 012	Phát triển đất đai	Học phần cung cấp các kiến thức chung và quy trình nghiệp vụ liên quan đến công tác phát triển bất động sản (khái niệm, vị trí của nghề, khả năng làm việc và thăng tiến, sự khác biệt của công tác phát triển bất động sản và các nghề khác, quy trình nghiệp vụ công tác phát triển bất động sản). Các quy tắc và chuẩn mực đạo đức, cơ sở pháp lý và hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến phát triển bất động sản, khả năng tự nhận biết ưu nhược điểm của bản thân và các kiến thức tổng quát về phát triển bất động sản. Học phần giúp học viên phát triển những kỹ năng khi tiến hành công tác phát triển bất động sản: Điều tra, phân tích thị trường, xác định thị phần, xây dựng kế hoạch phát triển, tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển....	30/0/60	
82	15 05 1 5 001	Giám sát đất đai	Trình bày những vấn đề chung về sự thay đổi của chất lượng đất đai, mục đích sử dụng đất đai từ đó đi sâu vào các phương pháp giám sát chất lượng và số lượng đất đai. Thu thập, xử lý và phân tích sự thay đổi chất lượng (tính chất lý hóa sinh của đất), mục đích sử dụng đất từ đó đánh giá và dự báo các thay đổi đó, định hướng sử dụng đất hợp lý và hiệu quả hơn. Cung cấp kịp thời các thông tin cho việc quản lý, kiểm tra hoạt động sử dụng và bảo vệ đất đai cũng như quản lý tài nguyên nói chung. Cung cấp cho người sử dụng đất các thông tin về trạng thái và sử dụng đất đai.	30/0/60	
83	15 04 1 5 008	Thị trường bất động sản	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức về thị trường bất động sản để giải quyết các vấn đề trong môi giới, kinh doanh và đầu tư bất động sản.	30/0/60	
84	15 04 1 5 007	Định giá bất động sản	Học phần Định giá bất động sản trang bị cho người học các nội dung cơ bản của định giá bất động sản như cách định giá bất động sản, các nguyên tắc định giá bất động sản, các phương pháp và quy trình định giá bất động sản... Bên cạnh đó học phần này còn cung cấp các kỹ năng để người học có thể đưa ra	0/60/60	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			được các nhận định về giá trị bất động sản cũng như cách thức lập báo cáo và chứng thư định giá bất động sản.		
85	15 02 1 5 011	Luật dân sự	Luật dân sự là học phần kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các chủ thể trong giao lưu dân sự đảm bảo sự ổn định và lành mạnh các quan hệ dân sự .Học phần được chia thành 4 nội dung cơ bản là: Tổng quan về luật dân sự; Giao dịch dân sự -thời hạn, thời hiệu, Quyền sở hữu, Quyền thừa kế và các quyền khác với tài sản; Nghĩa vụ dân sự & Hợp đồng dân sự; Trách nhiệm bồi thường ngoài hợp đồng và nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật..	20/0/60	
86	15 04 1 5 018	Phong thủy và ứng dụng	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, trang bị cho người học nắm vững các kiến thức về phong thủy, các ứng dụng của phong thủy trong chọn đất xây nhà ở và quy hoạch đất đai và kiến trúc xây dựng, bố trí nội thất.	30/0/60	
87	15 03 1 5 005	Cơ sở dữ liệu 3D và ứng dụng	Học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản về CSDL đất đai 3D, mô hình CSDL, hệ quản trị CSDL đất đai 3D và các giải pháp ứng dụng của CSDL đất đai 3D trong quản lý, sử dụng đất đai và quản trị bất động sản.	0/60/60	
88	15 01 1 5 012	Đánh giá tác động môi trường trong sử dụng đất đai	Môn học Đánh giá tác động môi trường trong Quản lý đất đai là môn học bắt buộc đối với sinh viên quản lý đất đai, nhằm trang bị cho sinh viên năm thứ 3 những kiến thức chuyên ngành, các văn bản quy định pháp lý, các yêu cầu kỹ thuật về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và đánh giá tác động môi trường chiến lược (ĐMC). Sử dụng nó như là một hệ thống các công cụ phân tích, đánh giá, dự báo nhằm cân nhắc các vấn đề môi trường, các tác động và sự cố đối với hệ sinh thái, sức khỏe, điều kiện kinh tế, xã hội của các dự án, qui hoạch sử dụng đất đai và các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội. Môn học nhằm phát triển cho sinh viên các kỹ năng vận dụng thành thạo các phương pháp ĐTM và ĐMC, các kỹ thuật tham vấn cộng đồng, kỹ năng phản biện và báo cáo các kết quả dự báo tác động; các biện pháp giảm thiểu tác động và triển khai kế hoạch quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên.	30/0/60	
89	15 00 1 5 031	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần quan trọng, nhằm gắn chặt việc học tập lý thuyết với lao động sản xuất thực tế, tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp tham gia sản xuất, nâng cao	0/120/0	

STT	Mã số HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			chất lượng đào tạo một cách toàn diện. Sinh viên được thực tập tại cơ quan, công ty về quản lý đất đai để tìm hiểu, làm quen, nắm bắt được nội dung các công việc trong ngành quản lý đất đai.		
90	15 00 1 5 032	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức chuyên ngành địa chính đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn.	0/240/0	

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			15							
1	12 11 1 5 010	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0	0	90		
2	11 13 1 5 006	Anh văn 1	3	45	0	0	0	100		
3	11 11 1 5 008	Toán cao cấp 1	2	30	0	0	0	45		
4	12 11 1 5 015	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	15		
5	20 00 1 5 001	GDTC - Đá cầu	1	6	0	24	0			
6	20 00 1 5 002	GDTC - Bóng chuyền	1	6	0	24	0			
7	20 00 1 5 003	GDTC - Cầu lông	1	6	0	24	0			
8	20 00 1 5 004	GDTC - Điện kinh	1	6	0	24	0			
9	20 00 1 5 005	GDTC - Thể dục	1	6	0	24	0			
Tổng			15	180	0	120		250		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			18							
1	12 11 1 5 011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0		60		
2	11 13 1 5 002	Anh văn 2	3	45	0	0		100	11 13 1 5 006	
3	11 11 1 5 009	Toán cao cấp 2	2	30	0	0		60	11 11 1 5 008	
4	20 00 1 5 006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8							
5	16 01 1 5 100	Trắc địa đại cương	3	45	0	0		90		
Học phần tự chọn			4							
1	11 11 1 5 010	Toán cao cấp 3	2	30	0	0		45	11 11 1 5 009	
2	11 12 1 5 009	Cơ - Nhiệt	2	30	0	0	0	45		
3	11 12 1 5 010	Điện tử - Quang	2	30	0	0	0	45	11 12 1 5 009	
4	18 02 1 5 212	Kinh tế vi mô	2	30	0	0		60		
5	18 02 1 5 666	Kinh tế học đại cương	2	30	0	0		60		
6	13 11 1 5 070	Khí tượng và khí hậu đại cương	2	30	0	0		60		
7	13 12 1 5 060	Thủy văn đại cương	2	30	0	0		60		
8	15 00 1 5 001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0		60		
Tổng			22	210	0	60	0	415		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			12							
1	12 11 1 5 012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0		60		
2	11 11 1 5 011	Xác suất thống kê	2	30	0	0		45		
3	16 01 1 5 002	Thực tập Trắc địa đại cương	2	0	0	60			16 01 1 5 100	
4	15 03 1 5 019	Cơ sở dữ liệu căn bản cho Quản lý đất đai	2	30	0	0		60		
5	15 02 1 5 001	Cơ sở quản lý đất đai	2	30	0	0		60		
6	15 01 1 5 001	Tài nguyên đất đai	2	30	0	0		60		
Học phần tự chọn			6							
1	11 12 1 5 004	Hóa học đại cương	2	30	0	0		60		
2	18 02 1 5 213	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	0		60		
3	15 04 1 5 666	Kinh tế học bền vững cho Quản lý đất đai	2	30	0	0		60		
4	14 01 1 5 002	Môi trường và con người	2	30	0	0		60		
5	19 01 1 5 152	Địa chất thủy văn sinh thái	2	30	0	0		60		
6	15 00 1 5 007	Địa lý học lịch sử Việt Nam	2	30	0	0		60		
Tổng			18	240	0	60		465		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			14							
1	16 03 1 5 002	Bản đồ đại cương	2	30	0	0		60		
2	15 03 1 5 018	GIS căn bản cho Quản lý đất đai	2	30	0	0		60		
3	17 01 1 5 010	Lập trình căn bản	2	30	0	0		60		
4	15 04 1 5 001	Nguyên lý thống kê	2	30	0	0		60		
5	15 04 1 5 003	Kinh tế đất đai	2	30	0	0		60		
6	15 02 1 5 002	Chính sách đất đai	2	30	0	0		60		
7	15 01 1 5 002	Đánh giá đất đai	2	30	0	0		60	15 01 1 5 001	
Học phần tự chọn			4							
1	22 11 1 5 069	Tài nguyên nước	2	30	0	0		60		
2	15 00 1 5 006	Sinh thái học cảnh quan	2	30	0	0		60		
3	15 00 1 5 003	Tâm lý học đại cương	2	30	0	0		60		
4	15 00 1 5 002	Xã hội học đại cương	2	30	0	0		60		
5	15 04 1 5 002	Phân tích định lượng cho quản lý	2	30	0	0		60		
6	15 02 1 5 003	Luật đất đai	2	20	10	0		60		
Tổng			18	260	10	0		540		

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			16							
1	12 11 1 5 013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0		60		
2	15 02 1 5 004	Hệ thống đăng ký đất đai	2	30	0	0		60		
3	15 02 1 5 005	Thống kê và kiểm kê đất đai	2	30	0	0		60		
4	15 03 1 5 003	Quản lý thông tin đất đai	2	30	0	0		60		
5	15 01 1 5 003	Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất đai	2	30	0	0		60	15 01 1 5 002	
6	15 04 1 5 005	Định giá đất đai	2	30	0	0		60		
7	15 01 1 5 004	Quy hoạch sử dụng đất đai	2	30	0	0		60		
8	15 00 1 5 005	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý đất đai	2	30	0	0		60		
Học phần tự chọn			2							
1	15 00 1 5 004	Logic học đại cương	2	30	0	0		60		
2	11 11 1 5 012	Toán ứng dụng	2	30	0	0		45		
Tổng			18	270	0	0		525		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			14							
1	15 03 1 5 001	Tin học chuyên ngành Quản lý đất đai	1	15	0	0		30		
2	15 03 1 5 002	Thực hành tin học chuyên ngành Quản lý đất đai	2	0	0	60		60		
3	15 03 1 5 007	GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	2	0	0	60		60		
4	16 03 1 5 103	Bản đồ địa chính	2	30	0	0		60		
5	15 03 1 5 004	Cơ sở dữ liệu đất đai	2	30	0	0		60		
6	15 02 1 5 006	Hệ thống văn bản và hồ sơ địa chính	2	0	0	60		60		
7	15 02 1 5 014	Đồ án Đăng ký - Thống kê đất đai	2	0	0	0	60		15 02 1 5 004; 15 02 1 5 005	
8	15 02 1 5 030	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	1	0	0	0	30			
Học phần tự chọn			4							
1	16 01 15 102	Trắc địa địa chính	2	30	0	0		60		
2	15 01 1 5 005	Mô hình hóa quy hoạch sử dụng đất đai	2	25	5	0		60		
3	15 04 1 5 006	Thực hành mô hình hóa định giá đất đai	2	0	0	60		60		
4	15 04 1 5 011	Phân tích và dự báo kinh tế - xã hội trong sử dụng đất đai	2	30	0	0		60		
5	15 02 1 5 010	Luật nhà ở và Luật xây dựng	2	20	10	0		60		
Tổng			18	125	10	180	90	450		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			16							
1	15 02 1 5 007	Giao, cho thuê và thu hồi đất đai	2	30	0	0		60		
2	15 02 1 5 008	Tài chính đất đai	2	30	0	0		60		
3	15 02 1 5 009	Thanh tra đất đai	2	30	0	0		60		
4	15 03 1 5 016	Đồ án Cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính	2	0	0	0	60		15 03 1 5 004	
5	15 01 1 5 039	Thực hành Thiết kế quy hoạch sử dụng đất đai	2	0	0	60		60		
6	15 02 1 5 015	Đồ án Bồi thường giải phóng mặt bằng	2	0	0	0	60			
7	15 00 1 5 031	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	120			
Học phần tự chọn			4							
1	15 03 1 5 011	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin đất đai	2	30	0	0		60		
2	15 01 1 5 010	Quy hoạch sử dụng đất đai chuyên đề	2	30	0	0		60		
3	15 04 1 5 017	Hệ thống quản lý giá đất	2	30	0	0		60		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
4	15 04 1 5 012	Phát triển đất đai	2	30	0	0		60		
5	15 05 1 5 001	Giám sát đất đai	2	30	0	0		60		
6	15 04 1 5 008	Thị trường bất động sản	2	30	0	0		60		
7	15 04 1 5 007	Định giá bất động sản	2	0	0	60		60		
8	15 02 1 5 011	Luật dân sự	2	20	10	0		60		
9	15 04 1 5 018	Phong thủy và ứng dụng	2	30	0	0		60		
10	15 03 1 5 005	Cơ sở dữ liệu 3D và ứng dụng	2	0	0	60		60		
11	15 01 1 5 012	Đánh giá tác động môi trường trong sử dụng đất đai	2	30	0	0		60		
Tổng			20	140	10	60	240	360		

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
				LT	BT	TH				
Học phần bắt buộc			10							
1	12 11 1 5 014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	45		
2	15 00 1 5 032	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	240		15 00 1 5 031	
Tổng			10	0	0	0	240			

1) Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy chuyên ngành Địa chính của ngành Quản lý đất đai được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo và nhu cầu nhân lực thực tế, bao gồm 126 tín chỉ.

2) Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3) Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4) Thực tập, kiến tập: Trong khóa học sinh viên được tham quan thực tế các doanh nghiệp, trước khi làm tốt nghiệp sinh viên được đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

5) Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.

6) Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do các giáo viên đánh giá, kết thúc môn học sinh viên sẽ được đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

7) Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8) Trưởng Bộ môn Địa chính chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Bộ môn Địa chính đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

9) Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật định kỳ theo quy định. Những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá... được xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

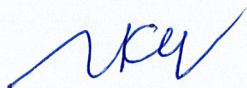
9. Đề cương chi tiết các học phần: (có Đề cương kèm theo)

TRƯỞNG KHOA



Trần Thanh Hùng

**KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ PHÒNG ĐÀO TẠO**



Trần Kỳ

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Quyền